**Danh mục thuốc Vị thuốc y học cổ truyền/dược liệu trúng thầu do BHXH các tỉnh báo cáo, đề nghị đăng tải đợt 4 (T7-8 năm 2022) theo hình thức đấu thầu rộng rãi tại các địa phương**

| STT | Tên hoạt chất | Đường dùng, dạng bào chế | Nồng độ, hàm lượng | Tên thuốc | SĐK hoặc Số GPNK | SĐK chuẩn hóa | Tên nhà sản xuất | Nước sản xuất | Quy cách đóng gói | Đơn vị tính nhỏ nhất (viên, gói, lọ, tube, | Số lượng | Đơn giá (có VAT) (tính trên đơn vị tính nhỏ nhất) | Thành tiền | Nhà thầu trúng thầu | Nhóm tiêu chí kỹ thuật và tiêu chuẩn | GÓI | Gói_chuẩn hóa | Tên đơn vị (SYT/BV) | Tỉnh/TP | Số QĐ công bố | Ngày công bố kết quả trúng thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Sa sâm | Uống | Gam | Sa sâm | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 124000 | 266 | 32.984.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 2 | Thiên môn đông | Uống | Gam | Thiên môn đông | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 48000 | 420 | 20.160.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 3 | Ba kích | Uống | Gam | Ba kích | VCT-0000 | VCT-0000 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 51139 | 983,85 | 50.313.105 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 4 | Hoài sơn | Uống | Gam | Hoài sơn | N/B | N/B | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 982450 | 271,95 | 267.177.278 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 5 | Cà gai leo | Uống | Gam | Cà gai leo | N/B | N/B | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 100000 | 203,7 | 20.370.000 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 6 | Liên tâm | Uống | Gam | Liên tâm | N/B | N/B | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 209512 | 539,7 | 113.073.626 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 7 | Bạc hà | Uống | Gam | Bạc hà | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 32552 | 66 | 2.148.432 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 8 | Cát căn | Uống | Gam | Cát căn | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 261458 | 62 | 16.210.396 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 9 | Cúc hoa | Uống | Gam | Cúc hoa | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 80000 | 388 | 31.040.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 10 | Lức (Sài hồ) | Uống | Gam | Lức (Sài hồ) | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 384504 | 54 | 20.763.216 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 11 | Ngưu bàng tử | Uống | Gam | Ngưu bàng tử | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 32000 | 122 | 3.904.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 12 | Dây đau xương | Uống | Gam | Dây đau xương | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 389980 | 38 | 14.819.240 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 13 | Độc hoạt | Uống | Gam | Độc hoạt | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1527396 | 198 | 302.424.408 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 14 | Mộc qua | Uống | Gam | Mộc qua | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 513020 | 114 | 58.484.280 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 15 | Tang chi | Uống | Gam | Tang chi | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 96000 | 32 | 3.072.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 16 | Tần giao | Uống | Gam | Tần giao | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1130672 | 524 | 592.472.128 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 17 | Thiên niên kiện | Uống | Gam | Thiên niên kiện | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 237044 | 88 | 20.859.872 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 18 | Uy linh tiên | Uống | Gam | Uy linh tiên | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 285492 | 374 | 106.774.008 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 19 | Can khương | Uống | Gam | Can khương | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 239024 | 104 | 24.858.496 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 20 | Địa liền | Uống | Gam | Địa liền | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 18200 | 284 | 5.168.800 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 21 | Ngô thù du | Uống | Gam | Ngô thù du | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 13000 | 568 | 7.384.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 22 | Phụ tử chế (Hắc phụ, I | Uống | Gam | Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 41300 | 304 | 12.555.200 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 23 | Quế nhục | Uống | Gam | Quế nhục | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 24000 | 108 | 2.592.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 24 | Kim ngân hoa | Uống | Gam | Kim ngân hoa | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 138900 | 566 | 78.617.400 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 25 | Sài đất | Uống | Gam | Sài đất | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 20000 | 88 | 1.760.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 26 | Thổ phục linh | Uống | Gam | Thổ phục linh | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 629468 | 90 | 56.652.120 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 27 | Hạ khô thảo | Uống | Gam | Hạ khô thảo | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 8000 | 198 | 1.584.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 28 | Huyền sâm | Uống | Gam | Huyền sâm | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 282088 | 134 | 37.799.792 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 29 | Tri mẫu | Uống | Gam | Tri mẫu | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 51400 | 134 | 6.887.600 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 30 | Hoàng bá | Uống | Gam | Hoàng bá | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 17200 | 172 | 2.958.400 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 31 | Hoàng cầm | Uống | Gam | Hoàng cầm | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 95576 | 268 | 25.614.368 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 32 | Hoàng liên | Uống | Gam | Hoàng liên | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 11000 | 944 | 10.384.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 33 | Thiên hoa phấn | Uống | Gam | Thiên hoa phấn | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 137000 | 124 | 16.988.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 34 | Xích thược | Uống | Gam | Xích thược | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1081300 | 166 | 179.495.800 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 35 | Bách bộ | Uống | Gam | Bách bộ | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 35200 | 90 | 3.168.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 36 | Cát cánh | Uống | Gam | Cát cánh | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 163386 | 228 | 37.252.008 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 37 | Hạnh nhân | Uống | Gam | Hạnh nhân | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 113896 | 194 | 22.095.824 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 38 | Tô tử | Uống | Gam | Tô tử | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 17000 | 98 | 1.666.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 39 | Bạch tật lê | Uống | Gam | Bạch tật lê | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 34000 | 144 | 4.896.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 40 | Thiên ma | Uống | Gam | Thiên ma | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 116300 | 960 | 111.648.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 41 | Lạc tiên | Uống | Gam | Lạc tiên | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 233464 | 56 | 13.073.984 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 42 | Thảo quyết minh | Uống | Gam | Thảo quyết minh | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 111197 | 35 | 3.891.895 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 43 | Chỉ xác | Uống | Gam | Chỉ xác | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 488300 | 58 | 28.321.400 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 44 | Hậu phác | Uống | Gam | Hậu phác | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 76800 | 94 | 7.219.200 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 45 | Hương phụ | Uống | Gam | Hương phụ | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 146758 | 78 | 11.447.124 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 46 | Mộc hương | Uống | Gam | Mộc hương | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 185552 | 144 | 26.719.488 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 47 | Ô dược | Uống | Gam | Ô dược | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 25500 | 114 | 2.907.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 48 | Trần bì | Uống | Gam | Trần bì | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 963577 | 72 | 69.377.544 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 49 | Đan sâm | Uống | Gam | Đan sâm | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1453300 | 184 | 267.407.200 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 50 | Khương hoàng | Uống | Gam | Khương hoàng | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 270843 | 76 | 20.584.068 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 51 | Tam thất | Uống | Gam | Tam thất | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 92574 | 1266 | 117.198.684 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 52 | Trắc bách diệp | Uống | Gam | Trắc bách diệp | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 11000 | 82 | 902.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 53 | Kim anh | Uống | Gam | Kim anh | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 17000 | 184 | 3.128.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 54 | Sơn thù | Uống | Gam | Sơn thù | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 804206 | 260 | 209.093.560 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 55 | Bạch thược | Uống | Gam | Bạch thược | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1785640 | 152 | 271.417.280 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 56 | Đương quy (Toàn quy | Uống | Gam | Đương quy (Toàn quy) | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1015532 | 288 | 292.473.216 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 57 | Mạch môn | Uống | Gam | Mạch môn | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 296219 | 255 | 75.535.845 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 58 | Sa nhân | Uống | Gam | Sa nhân | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 131700 | 294 | 38.719.800 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 59 | Ké đầu ngựa (Thương | Uống | Gam | Ké đầu ngựa (Thương nhĩ t | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 93072 | 94 | 8.748.768 | Công ty TN | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 60 | Mẫu đơn bì | Uống | Gam | Mẫu đơn bì | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 733272 | 201 | 147.387.672 | Công ty TN | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 61 | Tiền hồ | Uống | Gam | Tiền hồ | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 20000 | 365 | 7.300.000 | Công ty TN | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 62 | Tục đoạn | Uống | Gam | Tục đoạn | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 1340840 | 203 | 272.190.520 | Công ty TN | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 63 | Đảng sâm | Uống | Gam | Đảng sâm | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 1660323 | 331 | 549.566.913 | Công ty TN | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 64 | Tế tân | Uống | Gam | Tế tân | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 263508 | 407 | 107.247.756 | Công ty TN | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 65 | Kinh giới | Uống | Gam | Kinh giới | N/B | N/B | Chi nhánh | Việt Nam | Túi PE kín | Gam | 67890 | 76 | 5.159.640 | CTCPDP T | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 66 | Câu đằng | Uống | Gam | Câu đằng | N/B | N/B | Chi nhánh | Việt Nam | Túi PE kín | Gam | 243192 | 152 | 36.965.184 | CTCPDP T | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 67 | Ngưu tất | Uống | Gam | Ngưu tất | N/B | N/B | Chi nhánh | Việt Nam | Túi PE kín | Gam | 962000 | 189 | 181.818.000 | CTCPDP T | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 68 | Bạch chỉ | Uống | Gam | Bạch chỉ | VCT-0004 | VCT-0004 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 282518 | 256 | 72.324.608 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 69 | Ngưu tất | Uống | Gam | Ngưu tất | VCT-0002 | VCT-0002 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 1844116 | 477,75 | 881.026.419 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 70 | Liên nhục | Uống | Gam | Liên nhục | VCT-0001 | VCT-0001 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 144688 | 271,95 | 39.347.902 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 71 | Đương quy (dl thực) | Uống | Gam | Đương quy (dl thực) | N/B | N/B | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 2150323 | 794,85 | 1.709.184.237 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 72 | Đào nhân | Uống | Gam | Đào nhân | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 746642 | 426 | 318.069.492 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 73 | Bạch linh (Phục linh, I | Uống | Gam | Bạch linh (Phục linh, Bạch | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1880288 | 220 | 413.663.360 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 74 | Kim tiền thảo | Uống | Gam | Kim tiền thảo | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 41229 | 66 | 2.721.114 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 75 | Trạch tả | Uống | Gam | Trạch tả | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 229000 | 74 | 16.946.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 76 | Tỳ giải | Uống | Gam | Tỳ giải | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 373500 | 94 | 35.109.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 77 | Xa tiền tử | Uống | Gam | Xa tiền tử | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 101000 | 198 | 19.998.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 78 | Mạch nha | Uống | Gam | Mạch nha | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 152860 | 48 | 7.337.280 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 79 | Hà thủ ô đỏ | Uống | Gam | Hà thủ ô đỏ | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 140648 | 194 | 27.285.712 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 80 | Long nhãn | Uống | Gam | Long nhãn | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 369275 | 220 | 81.240.500 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 81 | Câu kỷ tử | Uống | Gam | Câu kỷ tử | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 785408 | 210 | 164.935.680 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 82 | Ngọc trúc | Uống | Gam | Ngọc trúc | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 45752 | 290 | 13.268.080 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 83 | Cẩu tích | Uống | Gam | Cẩu tích | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 539914 | 52 | 28.075.528 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 84 | Tân di | Uống | Gam | Tân di | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 249 | 2.490.000 | Công ty TN | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 85 | Phòng phong | Uống | Gam | Phòng phong | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 1337724 | 432 | 577.896.768 | Công ty TN | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 86 | Đại hoàng | Uống | Gam | Đại hoàng | 6560/BYT | 6560/BYT | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 92846 | 180 | 16.712.280 | Công ty TN | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 87 | Bán hạ nam (Củ chóc) | Uống | Gam | Bán hạ nam (Củ chóc) | N/B | N/B | Chi nhánh | Việt Nam | Túi PE kín | Gam | 303127 | 140 | 42.437.780 | CTCPDP T | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 88 | Quế chi | Uống | Gam | Quế chi | N/B | N/B | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 565874 | 126 | 71.300.124 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 89 | Cúc hoa | Uống | Gam | Cúc hoa | N/B | N/B | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 254708 | 849,45 | 216.361.711 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 90 | Quế nhục | Uống | Gam | Quế nhục | VCT-0005 | VCT-0005 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 86340 | 189 | 16.318.260 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 91 | Trạch tả | Uống | Gam | Trạch tả | N/B | N/B | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 389554 | 278,25 | 108.393.401 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 92 | Hà thủ ô đỏ | Uống | Gam | Hà thủ ô đỏ | VCT-0001 | VCT-0001 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 331280 | 250,95 | 83.134.716 | Công ty cổ | N1 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 93 | Tang ký sinh | Uống | Gam | Tang ký sinh | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1754504 | 34 | 59.653.136 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 94 | ý dĩ | Uống | Gam | ý dĩ | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 767706 | 88 | 67.558.128 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 95 | Sơn tra | Uống | Gam | Sơn tra | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 76137 | 74 | 5.634.138 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 96 | Thương truật | Uống | Gam | Thương truật | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 493400 | 438 | 216.109.200 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 97 | Khiếm thực | Uống | Gam | Khiếm thực | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 31000 | 194 | 6.014.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 98 | Cốt toái bổ | Uống | Gam | Cốt toái bổ | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 562342 | 102 | 57.358.884 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 99 | Dâm dương hoắc | Uống | Gam | Dâm dương hoắc | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 59166 | 310 | 18.341.460 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 100 | Đỗ trọng | Uống | Gam | Đỗ trọng | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 2071478 | 129 | 267.220.662 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 101 | ích trí nhân | Uống | Gam | ích trí nhân | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 87018 | 214 | 18.621.852 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 102 | Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ) | Uống | Gam | Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ) | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 33200 | 84 | 2.788.800 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 103 | Bạch truật | Uống | Gam | Bạch truật | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1175666 | 162 | 190.457.892 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 104 | Cam thảo (chích cam t | Uống | Gam | Cam thảo (chích cam thảo) | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 397697 | 198 | 78.744.006 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 105 | Đại táo | Uống | Gam | Đại táo | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 1782323 | 84 | 149.715.132 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 106 | Hoài sơn | Uống | Gam | Hoài sơn | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 330000 | 100 | 33.000.000 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 107 | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (C | Uống | Gam | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (Chích | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 716988 | 202 | 144.831.576 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 108 | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (S | Uống | Gam | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (Sống) | 5691/BYT | 5691/BYT | Công ty CI | Việt Nam | Đóng túi P | Gam | 2341900 | 198 | 463.696.200 | Công ty CI | N2 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 109 | Nhân sâm | Uống | Gam | Nhân sâm | N/B | N/B | Công ty CI | Việt Nam | Củ (rễ) | Gam | 48600 | 1890 | 91.854.000 | Công ty CI | N3 | G4 | G5 | SYT | Quảng Ngãi | 1142/QĐ-SYT | 12072022 |
| 110 | Bạch chỉ | Uống | | Bạch chỉ | | | | | Phiến | Gram | 119.000 | 125 | 14.875.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 111 | Kinh giới | Uống | | Kinh giới | | | | | sao cháy tồ | Gram | 70.000 | 72 | 5.040.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 112 | Sinh khương | Uống | | Sinh khương | | | | | Rửa sạch | Gram | 141.000 | 85 | 11.985.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 113 | Lức (Sài hồ nam) | Uống | | Lức (Sài hồ nam) | | | | | Cắt đoạn, p | Gram | 50.000 | 42 | 2.100.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 114 | Hy thiêm | Uống | | Hy thiêm | | | | | Tẩm rượu | Gram | 8.000 | 42 | 336.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 115 | Mộc qua | Uống | | Mộc qua | | | | | Phiến | Gram | 15.000 | 125 | 1.875.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 116 | Thiên niên kiện | Uống | | Thiên niên kiện | | | | | Phiến | Gram | 62.000 | 72 | 4.464.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 117 | Bồ công anh | Uống | | Bồ công anh | | | | | Phiến | Gram | 5.000 | 72 | 360.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 118 | Kim ngân đẳng (Kim n | Uống | | Kim ngân đẳng (Kim ngân cuộng) | | | | | Sao vàng | Gram | 31.000 | 75 | 2.325.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 119 | Kim ngân hoa | Uống | | Kim ngân hoa | | | | | Phơi sấy kl | Gram | 5.000 | 530 | 2.650.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 120 | Hạ khô thảo | Uống | | Hạ khô thảo | | | | | Phơi sấy kl | Gram | 4.000 | 205 | 820.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 121 | Thạch cao (sống) (dượ | Uống | | Thạch cao (sống) (dược | | | | | Đập nhỏ | Gram | 7.000 | 85 | 595.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 122 | Hoàng liên | Uống | | Hoàng liên | | | | | Chích rượu | Gram | 4.000 | 860 | 3.440.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 123 | Khổ sâm | Uống | | Khổ sâm | | | | | Phơi sấy kl | Gram | 9.000 | 92 | 828.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 124 | Nhân trần | Uống | | Nhân trần | | | | | Cắt đoạn, p | Gram | 36.000 | 70 | 2.520.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 125 | Bạch mao căn | Uống | | Bạch mao căn | | | | | Rửa sạch p | Gram | 5.000 | 72 | 360.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |
| 126 | Địa cốt bì | Uống | | Địa cốt bì | | | | | Phiến | Gram | 3.000 | 250 | 750.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 127 | Bán hạ nam (Củ chóc) | Uống | | Bán hạ nam (Củ chóc) | | | | | Chế gừng | Gram | 10.000 | 130 | 1.300.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 128 | Xuyên bối mẫu | Uống | | Xuyên bối mẫu | | | | | Phơi sấy kl | Gram | 34.000 | 1650 | 56.100.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 129 | Bách bộ | Uống | | Bách bộ | | | | | Chích rượu | Gram | 3.000 | 105 | 315.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 130 | Thạch xương bồ | Uống | | Thạch xương bồ | | | | | sao vàng | Gram | 8.000 | 260 | 2.080.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 131 | Chỉ xác | Uống | | Chỉ xác | | | | | Phiến | Gram | 13.000 | 68 | 884.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 132 | Hậu phác | Uống | | Hậu phác | | | | | Phiến | Gram | 12.000 | 75 | 900.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 133 | Ích mẫu | Uống | | Ích mẫu | | | | | Phiến | Gram | 8.000 | 61 | 488.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 134 | Một dược | Uống | | Một dược | | | | | Phơi sấy kl | Gram | 10.000 | 280 | 2.800.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 135 | Nhũ hương | Uống | | Nhũ hương | | | | | Phơi sấy kl | Gram | 8.000 | 292 | 2.336.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 136 | Cỏ nhọ nồi | Uống | | Cỏ nhọ nồi | | | | | Sao đen | Gram | 3.000 | 62 | 186.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 137 | Ngải cứu (Ngải diệp) | Uống | | Ngải cứu (Ngải diệp) | | | | | Chích rượu | Gram | 21.000 | 52 | 1.092.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 138 | Kim tiền thảo | Uống | | Kim tiền thảo | | | | | Phiến | Gram | 5.000 | 52 | 260.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 139 | Lá khôi | Uống | | Lá khôi | | | | | Sao vàng | Gram | 6.000 | 330 | 1.980.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 140 | Sơn tra | Uống | | Sơn tra | | | | | Sao qua | Gram | 12.000 | 82 | 984.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 141 | Kim anh | Uống | | Kim anh | | | | | Sao vàng | Gram | 5.000 | 220 | 1.100.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 142 | Sa sâm | Uống | | Sa sâm | | | | | Phiến | Gram | 8.000 | 350 | 2.800.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 143 | Câu tích | Uống | | Câu tích | | | | | Sao vàng | Gram | 82.000 | 45 | 3.690.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 144 | Cốt toái bổ | Uống | | Cốt toái bổ | | | | | Sao vàng | Gram | 302.000 | 85 | 25.670.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 145 | Ích trí nhân | Uống | | Ích trí nhân | | | | | Phiến | Gram | 5.000 | 198 | 990.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 146 | Hoàng cầm | Uống | | Hoàng cầm | | | | | Phiến | Gram | 10.000 | 250 | 2.500.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 147 | Thiên hoa phấn | Uống | | Thiên hoa phấn | | | | | Phiến | Gram | 10.000 | 150 | 1.500.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 148 | Huyết giác | Uống | | Huyết giác | | | | | Phiến | Gram | 40.000 | 152 | 6.080.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 149 | Khiếm thực | Uống | | Khiếm thực | | | | | Sao vàng | Gram | 10.000 | 210 | 2.100.000 | CTY MĐ&T | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 150 | Bạc hà | Uống | | Bạc hà | | | | | Sao vàng | Gram | 46.000 | 90,3 | 4.153.800 | CTY Đào Gia | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 151 | Tử uyển | Uống | | Tử uyển | | | | | Phiến | Gram | 2.000 | 203,7 | 407.400 | CTY Đào Gia | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 152 | Đại hoàng | Uống | | Đại hoàng | | | | | Chích rượu | Gram | 3.000 | 201,6 | 604.800 | CTY Đào Gia | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 153 | Độc hoạt | Uống | | Độc hoạt | | | | | Phiến | Gram | 251.000 | 283,5 | 71.158.500 | CTY Đào Gia | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 154 | Bạch truật | Uống | | Bạch truật | | | | | Chích mật | Gram | 392.000 | 201,6 | 79.027.200 | CTY Đào Gia | G5 | G5 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 155 | Sài hồ | Uống | | Sài hồ | | | | | Rửa sạch p | Gram | 9.000 | 440 | 3.960.000 | LDMD&T- Công ty C | G4 | G4 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 156 | Viễn chí | Uống | | Viễn chí | | | | | Rút lõi phơ | Gram | 138.000 | 720 | 99.360.000 | LDMD&T- Công ty C | G4 | G4 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 157 | Cỏ ngọt | Uống | | Cỏ ngọt | | | | | Rửa sạch p | Gram | 20.000 | 75 | 1.500.000 | LDMD&T- Công ty C | G4 | G4 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 158 | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) | Uống | | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) | | | | | Rửa sạch p | Gram | 655.000 | 180 | 117.900.000 | LDMD&T- Công ty C | G4 | G4 | Bệnh viện Y | Ninh Bình | 152/QĐ-BVYI | 24052022 |
| 159 | Bạch chỉ | | | Bạch chỉ | VCT-0004 | VCT-0004 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 615,3 | 9.229.500 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 160 | Kinh giới | | | Kinh giới | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 294 | 5.880.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 161 | Quế chi | | | Quế chi | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 175,35 | 3.507.000 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 162 | Tân di | | | Tân di | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 15000 | 313 | 4.695.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 163 | Tế tân | | | Tế tân | VCT-0009 | VCT-0009 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 525 | 5.250.000 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 164 | Bạc hà | | | Bạc hà | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 194,25 | 3.885.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 165 | Cát căn | | | Cát căn | VCT-0000 | VCT-0000 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 196,35 | 1.963.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 166 | Cúc hoa | | | Cúc hoa | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 20000 | 630 | 12.600.000 | Công ty TN | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 167 | Mạn kinh tử | | | Mạn kinh tử | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 294 | 5.880.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 168 | Sài hồ | | | Sài hồ | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 472,5 | 4.725.000 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 169 | Sài hồ N | | | Sài hồ N | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 58,8 | 588.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 170 | Tang diệp | | | Tang diệp | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 168 | 1.680.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 171 | Thăng ma | | | Thăng ma | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 644,7 | 6.447.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 172 | Dây đau xương | | | Dây đau xương | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 40000 | 168 | 6.720.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 173 | Độc hoạt | | | Độc hoạt | VD-26931 | VD-26931 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 40000 | 168 | 6.720.000 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 174 | Hy thiêm | | | Hy thiêm | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 298,2 | 4.473.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 175 | Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử) | | | Ké đầu ngựa (Thương nhĩ t | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 176 | 1.760.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 176 | Khương hoạt | | | Khương hoạt | VD-26941 | VD-26941 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 15000 | 1365 | 20.475.000 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 177 | Lá lốt | | | Lá lốt | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 189 | 1.890.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 178 | Ngũ gia bì chân chim | | | Ngũ gia bì chân chim | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 198,45 | 2.976.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 179 | Phòng phong | | | Phòng phong | VD-29046 | VD-29046 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 25000 | 451,5 | 11.287.500 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 180 | Tang chi | | | Tang chi | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 244,65 | 3.669.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 181 | Tang ký sinh | | | Tang ký sinh | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 40000 | 224,7 | 8.988.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 182 | Tần giao | | | Tần giao | VD-31808 | VD-31808 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 20000 | 456,75 | 9.135.000 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 183 | Thiên niên kiện | | | Thiên niên kiện | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 324,45 | 6.489.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 184 | Trinh nữ (Xấu hổ) | | | Trinh nữ (Xấu hổ) | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 315 | 6.300.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 185 | Uy linh tiên | | | Uy linh tiên | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 555,45 | 5.554.500 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 186 | Can khương | | | Can khương | VD-31796 | VD-31796 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 199,5 | 1.995.000 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 187 | Quế nhục | | | Quế nhục | VCT-0005 | VCT-0005 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 252 | 2.520.000 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 188 | Bạch hoa xà thiệt thảo | | | Bạch hoa xà thiệt thảo | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 244,65 | 3.669.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 189 | Bồ công anh | | | Bồ công anh | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 214,2 | 3.213.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 190 | Diệp hạ châu | | | Diệp hạ châu | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 214,2 | 4.284.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 191 | Kim ngân hoa | | | Kim ngân hoa | VD-26202 | VD-26202 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 25000 | 945 | 23.625.000 | Công ty CH | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 192 | Khổ qua | | | Khổ qua | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 224,7 | 3.370.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 193 | Liên kiều | | | Liên kiều | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 718,2 | 10.773.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 194 | Sài đất | | | Sài đất | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 102,9 | 1.029.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 195 | Thổ phục linh | | | Thổ phục linh | VCT-0007 | VCT-0007 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 40000 | 107,1 | 4.284.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 196 | Trinh nữ hoàng cung | | | Trinh nữ hoàng cung | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 40000 | 315 | 12.600.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 197 | Cối xay | | | Cối xay | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 116,55 | 1.748.250 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 198 | Chi tử | | | Chi tử | VCT-0005 | VCT-0005 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 444,15 | 6.662.250 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 199 | Hạ khô thảo | | | Hạ khô thảo | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 315 | 4.725.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 200 | Huyền sâm | | | Huyền sâm | VD-35326 | VD-35326 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 15000 | 107,1 | 1.606.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 201 | Tri mẫu | | | Tri mẫu | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 283 | 2.830.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 202 | Actiso | | | Actiso | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 609 | 12.180.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 203 | Bán chi liên | | | Bán chi liên | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 328,65 | 4.929.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 204 | Hoàng bá | | | Hoàng bá | VD-32862 | VD-32862 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 25000 | 220,5 | 5.512.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 205 | Hoàng cầm | | | Hoàng cầm | VD-29032 | VD-29032 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 215,25 | 2.152.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 206 | Hoàng liên | | | Hoàng liên | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 1121 | 11.210.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 207 | Long đờm thảo | | | Long đờm thảo | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 1014,3 | 25.357.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 208 | Nhân trần | | | Nhân trần | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 168 | 4.200.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 209 | Bạch mao căn | | | Bạch mao căn | VCT-0004 | VCT-0004 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 178,5 | 2.677.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 210 | Mẫu đơn bì | | | Mẫu đơn bì | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 15000 | 314 | 4.710.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 211 | Sinh địa | | | Sinh địa | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 40000 | 204,75 | 8.190.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 212 | Thiên hoa phấn | | | Thiên hoa phấn | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 378 | 5.670.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 213 | Xích thược | | | Xích thược | VCT-0009 | VCT-0009 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 25000 | 178,5 | 4.462.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 214 | Bán hạ bắc | | | Bán hạ bắc | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 810,6 | 8.106.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 215 | Xuyên bối mẫu | | | Xuyên bối mẫu | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 5988,15 | 59.881.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 216 | Cát cánh | | | Cát cánh | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 225,75 | 2.257.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 217 | Hạnh nhân | | | Hạnh nhân | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 668,85 | 6.688.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 218 | Kha tử | | | Kha tử | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 308,7 | 3.087.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 219 | Tiền hồ | | | Tiền hồ | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 586 | 5.860.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 220 | Tô tử | | | Tô tử | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 196,35 | 1.963.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 221 | Bạch cương tàm | | | Bạch cương tàm | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 728,7 | 7.287.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 222 | Câu đằng | | | Câu đằng | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 638,4 | 6.384.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 223 | Thiên ma | | | Thiên ma | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 1536,15 | 15.361.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 224 | Bá tử nhân | | | Bá tử nhân | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 920 | 9.200.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 225 | Bình vôi | | | Bình vôi | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 238,35 | 3.575.250 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 226 | Lạc tiên | | | Lạc tiên | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 50000 | 166,95 | 8.347.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 227 | Liên tâm | | | Liên tâm | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 736,05 | 11.040.750 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 228 | Phục thần | | | Phục thần | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 30000 | 386 | 11.580.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 229 | Táo nhân | | | Táo nhân | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 15000 | 820 | 12.300.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 230 | Thảo quyết minh | | | Thảo quyết minh | VCT-0002 | VCT-0002 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 136,5 | 2.047.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 231 | Viễn chí | | | Viễn chí | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 1250 | 12.500.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 232 | Chỉ xác | | | Chỉ xác | VCT-0004 | VCT-0004 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 214,2 | 2.142.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 233 | Hậu phác | | | Hậu phác | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 296,1 | 2.961.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 234 | Hương phụ | | | Hương phụ | VCT-0001 | VCT-0001 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 226,8 | 2.268.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 235 | Mộc hương | | | Mộc hương | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 296,1 | 5.922.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 236 | Sa nhân | | | Sa nhân | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 1018,5 | 10.185.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 237 | Trần bì | | | Trần bì | VD-31810 | VD-31810 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 15000 | 88,2 | 1.323.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 238 | Đan sâm | | | Đan sâm | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 15000 | 189 | 2.835.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 239 | Đào nhân | | | Đào nhân | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 640 | 6.400.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 240 | Hồng hoa | | | Hồng hoa | VD-26935 | VD-26935 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 882 | 8.820.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 241 | Huyền hồ | | | Huyền hồ | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 1008 | 10.080.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 242 | Huyết giác | | | Huyết giác | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 266,7 | 5.334.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 243 | Ích mẫu | | | Ích mẫu | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 204,75 | 2.047.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 244 | Kê huyết đằng | | | Kê huyết đằng | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 166,95 | 2.504.250 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 245 | Khương hoàng | | | Khương hoàng | VD-31801 | VD-31801 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 15000 | 99,75 | 1.496.250 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 246 | Một dược | | | Một dược | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 408,45 | 6.126.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 247 | Ngưu tất | | | Ngưu tất | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 40000 | 388 | 15.520.000 | Công ty TN | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 248 | Nhũ hương | | | Nhũ hương | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 658,35 | 9.875.250 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 249 | Tô mộc | | | Tô mộc | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 196,35 | 1.963.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 250 | Xuyên khung | | | Xuyên khung | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 30000 | 420 | 12.600.000 | Công ty TN | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 251 | Cỏ nhọ nồi | | | Cỏ nhọ nồi | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 84 | 840.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 252 | Hoè hoa | | | Hoè hoa | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 538,65 | 8.079.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 253 | Ngải diệp | | | Ngải diệp | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 138,6 | 1.386.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 254 | Tam thất | | | Tam thất | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 1155 | 11.550.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 255 | Trắc bách diệp | | | Trắc bách diệp | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 234,15 | 2.341.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 256 | Bạch linh | | | Bạch linh | VCT-0013 | VCT-0013 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 25000 | 228,9 | 5.722.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 257 | Cỏ ngọt | | | Cỏ ngọt | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 17000 | 218,4 | 3.712.800 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 258 | Kim tiền thảo | | | Kim tiền thảo | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 204,75 | 5.118.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 259 | Trạch tả | | | Trạch tả | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 571,2 | 14.280.000 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 260 | Xa tiền tử | | | Xa tiền tử | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 315 | 3.150.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 261 | Ý dĩ | | | Ý dĩ | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 25000 | 198 | 4.950.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 262 | Đại hoàng | | | Đại hoàng | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 231 | 2.310.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 263 | Hoắc hương | | | Hoắc hương | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 20000 | 517,65 | 10.353.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 264 | Thương truật | | | Thương truật | VD-26962 | VD-26962 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 619,5 | 6.195.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 265 | Kim Anh | | | Kim Anh | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 308 | 3.080.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 266 | Liên nhục | | | Liên nhục | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 438,9 | 6.583.500 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 267 | Ngũ vị tử | | | Ngũ vị tử | VD-29042 | VD-29042 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 451,5 | 4.515.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 268 | Sơn thù | | | Sơn thù | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 262,5 | 2.625.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 269 | Bạch thược | | | Bạch thược | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 20000 | 152,25 | 3.045.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 270 | Đương quy | | | Đương quy | VCT-0013 | VCT-0013 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 50000 | 362,25 | 18.112.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 271 | Hà thủ ô đỏ | | | Hà thủ ô đỏ | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 20000 | 273 | 5.460.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 272 | Long nhãn | | | Long nhãn | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 40000 | 434,7 | 17.388.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 273 | A giao | | | A giao | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 1194,9 | 11.949.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 274 | Câu kỷ tử | | | Câu kỷ tử | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 262,5 | 2.625.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 275 | Mạch môn | | | Mạch môn | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 273 | 2.730.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 276 | Ngọc trúc | | | Ngọc trúc | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 724,5 | 7.245.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 277 | Sa sâm | | | Sa sâm | VD-26953 | VD-26953 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 10000 | 233,1 | 2.331.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 278 | Thạch hộc | | | Thạch hộc | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 424,2 | 10.605.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 279 | Thiên môn đông | | | Thiên môn đông | CXĐ | | Công ty TN | Việt Nam | Túi PE 1kg | Gam | 10000 | 448 | 4.480.000 | Công ty TN | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 280 | Ba kích | | | Ba kích | VCT-0000 | VCT-0000 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 1604,4 | 24.066.000 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 281 | Cẩu tích | | | Cẩu tích | VCT-0003 | VCT-0003 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 158,55 | 3.963.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 282 | Cốt toái bổ | | | Cốt toái bổ | VCT-0000 | VCT-0000 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 264,6 | 6.615.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 283 | Đỗ trọng | | | Đỗ trọng | VD-29809 | VD-29809 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 50000 | 120,75 | 6.037.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 284 | Ích trí nhân | | | Ích trí nhân | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 1214,85 | 18.222.750 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 285 | Nhục thung dung | | | Nhục thung dung | VD-29044 | VD-29044 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 15000 | 858,9 | 12.883.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 286 | Phá cố chỉ | | | Phá cố chỉ | VCT-0004 | VCT-0004 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 10000 | 294 | 2.940.000 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 287 | Tục đoạn | | | Tục đoạn | VCT-0003 | VCT-0003 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 15000 | 514,5 | 7.717.500 | Công ty Cổ | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 288 | Bạch truật | | | Bạch truật | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 25000 | 189 | 4.725.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 289 | Cam thảo | | | Cam thảo | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 20000 | 168 | 3.360.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 290 | Đại táo | | | Đại táo | CXĐ | | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 40000 | 99,75 | 3.990.000 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 291 | Đảng sâm | | | Đảng sâm | VD-30452 | VD-30452 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 25000 | 493,5 | 12.337.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 292 | Hoài sơn | | | Hoài sơn | CXĐ | | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5 Kg | Gam | 25000 | 416,85 | 10.421.250 | Công ty Cổ | N1 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 293 | Hoàng kỳ | | | Hoàng kỳ | VD-31800 | VD-31800 | Chi nhánh | Việt Nam | Bao PE 1-5 | Gam | 30000 | 215,25 | 6.457.500 | Công ty CP | N2 | G5 | G5 | Bệnh viện C | Tp Hồ Chí Minh | 188/QĐ-BV | 08032022 |
| 294 | Kinh giới | | | Kinh giới | | | | | | Gram | 5.000 | 84 | 420.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 295 | Quế chi | | | Quế chi | | | | | | Gram | 150.000 | 45,15 | 6.772.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 296 | Bạc hà | | | Bạc hà | | | | | | Gram | 5.000 | 98,7 | 493.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 297 | Cát căn | | | Cát căn | | | | | | Gram | 7.000 | 108,15 | 757.050 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 298 | Cúc hoa | | | Cúc hoa | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 5.000 | 541,8 | 2.709.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 299 | Mạn kinh tử | | | Mạn kinh tử | | | | | | Gram | 3.000 | 170,1 | 510.300 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 300 | Cà gai leo | | | Cà gai leo | | | | | | Gram | 10.000 | 115,5 | 1.155.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 301 | Cốt khí củ | | | Cốt khí củ | | | | | | Gram | 50.000 | 267,75 | 13.387.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 302 | Dây đau xương | | | Dây đau xương | | | | | | Gram | 100.000 | 61,95 | 6.195.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 303 | Độc hoạt | | | Độc hoạt | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 300.000 | 327,6 | 98.280.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 304 | Hy thiêm | | | Hy thiêm | | | | | | Gram | 5.000 | 92,4 | 462.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 305 | Ngũ gia bì chân chim | | | Ngũ gia bì chân chim | | | | | | Gram | 150.000 | 68,25 | 10.237.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 306 | Tang chi | | | Tang chi | | | | | | Gram | 150.000 | 68,25 | 10.237.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 307 | Tần giao | | | Tần giao | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 80.000 | 702,45 | 56.196.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 308 | Thiên niên kiện | | | Thiên niên kiện | | | | | | Gram | 200.000 | 173,25 | 34.650.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 309 | Trinh nữ (Xấu hổ) | | | Trinh nữ (Xấu hổ) | | | | | | Gram | 10.000 | 99,75 | 997.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 310 | Địa liền | | | Địa liền | | | | | | Gram | 10.000 | 360,15 | 3.601.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 311 | Đinh hương | | | Đinh hương | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 3.000 | 659,4 | 1.978.200 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 312 | Bồ công anh | | | Bồ công anh | | | | | | Gram | 10.000 | 105 | 1.050.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 313 | Diệp hạ châuđắng | | | Diệp hạ châuđắng | | | | | | Gram | 5.000 | 71,4 | 357.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 314 | Giảo cổ lam | | | Giảo cổ lam | | | | | | Gram | 5.000 | 122,85 | 614.250 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 315 | Sài đất | | | Sài đất | | | | | | Gram | 3.000 | 103,95 | 311.850 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 316 | Thổ phục linh | | | Thổ phục linh | | | | | | Gram | 120.000 | 153,3 | 18.396.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 317 | Trinh nữ hoàngcung | | | Trinh nữ hoàngcung | | | | | | Gram | 5.000 | 105 | 525.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 318 | Cối xay | | | Cối xay | | | | | | Gram | 5.000 | 91,35 | 456.750 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 319 | Hạ khô thảo | | | Hạ khô thảo | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 5.000 | 296,1 | 1.480.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 320 | Tri mẫu | | | Tri mẫu | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 5.000 | 202,65 | 1.013.250 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 321 | Bán chi liên | | | Bán chi liên | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 5.000 | 184,8 | 924.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 322 | Hoàng bá | | | Hoàng bá | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 5.000 | 258,3 | 1.291.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 323 | Hoàng đằng | | | Hoàng đằng | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/ | BYT-YDCT | 1609/BYT | Gram | 3.000 | 365,4 | 1.096.200 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 324 | Khổ sâm | | | Khổ sâm | | | | | | Gram | 3.000 | 127,05 | 381.150 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 325 | Long đởm thảo | | | Long đởm thảo | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 3.000 | 646,8 | 1.940.400 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 326 | Nhân trần | | | Nhân trần | | | | | | Gram | 10.000 | 93,45 | 934.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 327 | Địa cốt bì | | | Địa cốt bì | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 401,1 | 2.005.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 328 | Bán hạ bắc | | | Bán hạ bắc | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 433,65 | 2.168.250 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 329 | Bách hợp | | | Bách hợp | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 2.000 | 252 | 504.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 330 | Kha tử | | | Kha tử | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 160,65 | 803.250 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 331 | Bạch tật lê | | | Bạch tật lê | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 260,4 | 1.302.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 332 | Địa long | | | Địa long | | | | | | Gram | 2.000 | 1239 | 2.478.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 333 | Lạc tiên | | | Lạc tiên | | | | | | Gram | 100.000 | 76,65 | 7.665.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 334 | Phục thần | | | Phục thần | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 30.000 | 290,85 | 8.725.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 335 | Sa nhân | | | Sa nhân | | | | | | Gram | 3.000 | 388,5 | 1.165.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 336 | Trần bì | | | Trần bì | | | | | | Gram | 20.000 | 88,2 | 1.764.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 337 | Cỏ xước (Ngưu tất nam) | | | Cỏ xước (Ngưu tất nam) | | | | | | Gram | 150.000 | 88,2 | 13.230.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 338 | Huyền hồ | | | Huyền hồ | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 627,9 | 3.139.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 339 | Ích mẫu | | | Ích mẫu | | | | | | Gram | 25.000 | 63 | 1.575.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 340 | Kê huyết đằng | | | Kê huyết đằng | | | | | | Gram | 100.000 | 47,25 | 4.725.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 341 | Nga truật | | | Nga truật | | | | | | Gram | 3.000 | 105 | 315.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 342 | Tô mộc | | | Tô mộc | | | | | | Gram | 5.000 | 108,15 | 540.750 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 343 | Mã đề | | | Mã đề | | | | | | Gram | 10.000 | 107,1 | 1.071.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 344 | Mộc thông | | | Mộc thông | | | | | | Gram | 20.000 | 115,5 | 2.310.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 345 | Tỳ giải | | | Tỳ giải | | | | | | Gram | 10.000 | 110,25 | 1.102.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 346 | Xa tiền tử | | | Xa tiền tử | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 30.000 | 211,05 | 6.331.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 347 | Đại hoàng | | | Đại hoàng | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 3.000 | 205,8 | 617.400 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 348 | Dạ cẩm | | | Dạ cẩm | | | | | | Gram | 3.000 | 137,55 | 412.650 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 349 | Mạch nha | | | Mạch nha | | | | | | Gram | 5.000 | 81,9 | 409.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 350 | Sơn tra | | | Sơn tra | | | | | | Gram | 10.000 | 94,5 | 945.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 351 | Khiếm thực | | | Khiếm thực | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 280,35 | 1.401.750 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 352 | Kim anh | | | Kim anh | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 281,4 | 1.407.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 353 | Bạch thược | | | Bạch thược | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 200.000 | 214,2 | 42.840.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 354 | A giao | | | A giao | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 10.000 | 1047,9 | 10.479.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 355 | Câu kỷ tử | | | Câu kỷ tử | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 70.000 | 336 | 23.520.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 356 | Sa sâm | | | Sa sâm | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 5.000 | 567 | 2.835.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 357 | Cẩu tích | | | Cẩu tích | | | | | | Gram | 150.000 | 92,4 | 13.860.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 358 | Ích trí nhân | | | Ích trí nhân | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 2.000 | 851,55 | 1.703.100 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 359 | Tục đoạn | | | Tục đoạn | | | | | | Gram | 200.000 | 300,3 | 60.060.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 360 | Đại táo | | | Đại táo | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 150.000 | 141,75 | 21.262.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 361 | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) | | | Hoàng kỳ (Bạch kỳ) | 1894/BYT- | 1894/BYT- | YDCT1600/BYT- | YDCT1609/BYT | | Gram | 250.000 | 347,55 | 86.887.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 362 | Vị thuốc Hà thủ ô đỏ | Rễ củ | N | Vị thuốc Hà thủ ô đỏ | VCT-0001 | VCT-0001 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 180.000 | 349,79 | 62.962.200 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 363 | Vị thuốc Ba kích (chích | Rễ | N | Vị thuốc Ba kích (chích rượ | VCT-0000 | VCT-0000 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 470.000 | 901,74 | 423.817.800 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 364 | Cúc hoa | | | Cúc hoa | | | | | | Gram | 242.000 | 482,37 | 116.733.540 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 365 | Tang diệp | | | Tang diệp | | | | | | Gram | 14.000 | 125,79 | 1.761.060 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 366 | Tang chi | | | Tang chi | | | | | | Gram | 89.000 | 122,64 | 10.914.960 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 367 | Ngưu tất | | | Ngưu tất | | | | | | Gram | 409.000 | 209,37 | 85.632.330 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 368 | Trạch tả | | | Trạch tả | | | | | | Gram | 83.000 | 149,94 | 12.445.020 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 369 | Cà gai leo | | | Cà gai leo | | | | | | Gram | 84.000 | 93,24 | 7.832.160 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 370 | Quế nhục | | | Quế nhục | | | | | | Gram | 290.000 | 164,64 | 47.745.600 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 371 | Quế chi | | | Quế chi | | | | | | Gram | 563.000 | 118,545 | 66.740.835 | Công ty cổ | N1 | G5 | G5 | SYT | Vĩnh Phúc | 738/QĐ-SYT | 05062022 |
| 372 | Vị thuốc Bạch chỉ | Rễ | N | Vị thuốc Bạch chỉ | VCT-0004 | VCT-0004 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 151.000 | 260,19 | 39.288.690 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 373 | Vị thuốc Sinh địa | Rễ củ | N | Vị thuốc Sinh địa | VCT-0002 | VCT-0002 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 188.000 | 272,79 | 51.284.520 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 374 | Vị thuốc Ngưu tất (dạ | Rễ | N | Vị thuốc Ngưu tất (dạng ph | VCT-0002 | VCT-0002 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 1.095.000 | 263,34 | 288.357.300 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 375 | Vị thuốc Xuyên khung | Thân rễ | N | Vị thuốc Xuyên khung | VCT-0003 | VCT-0003 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 1.421.000 | 379,89 | 539.823.690 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 376 | Vị thuốc Liên nhục | Hạt | N | Vị thuốc Liên nhục | VCT-0001 | VCT-0001 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 326.000 | 167,265 | 54.528.390 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 377 | Vị thuốc Đương quy | Rễ | N | Vị thuốc Đương quy | VCT-0005 | VCT-0005 | Công ty cổ | Việt Nam | Túi 1-5kg | Gram | 463.000 | 747,39 | 346.041.570 | Công ty cổ | N1 | G4 | G4 | SYT | Vĩnh Phúc | 2117/QĐ-SY | 10062022 |
| 378 | Lức (Sài hồ nam) | | | Lức (Sài hồ nam) | | | | | | Gram | 30.000 | 53,55 | 1.606.500 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |
| 379 | Kim tiền thảo | | | Kim tiền thảo | | | | | | Gram | 20.000 | 75 | 1.491.000 | Công ty cổ | N2 | 4 | G4 | Bệnh viện đ | Bắc Ninh | 347/QĐ-BV | 28062022 |